

Bản án số: 969/2024/HC-PT

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về ấn định thuế đối
với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 642/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2023/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần T1;

Địa chỉ: Số A đường M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số F đường M, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người bị kiện:

1/Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2

2/Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2

Địa chỉ: Đường số A, khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969, chức vụ: Chi cục trưởng (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Nam Hồng S – Phó Chi cục trưởng Chi cục hải quan cửa khẩu X (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Kim A1 – Phó Chi cục trưởng, Chi cục kiểm tra sau thông quan Cục H1 (có mặt);

- Ông Nguyễn Thanh S1 – Phó đội trưởng Chi cục hải quan Khu công nghiệp X (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Công ty cổ phần T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện – Công ty cổ phần T1 và người đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Đỗ Tuấn A trình bày:

Công ty cổ phần T1 (công ty T1) khởi kiện yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Yêu cầu Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp T làm thủ tục hủy tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 (gọi tắt là: Tờ khai hải quan A12), hoàn trả lại số thuế Công ty đã nộp cho Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 theo Tờ khai hải quan nêu trên theo quy định về pháp luật hải quan và luật thuế, số tiền cụ thể 1.190.246.400 đồng.

Lý do khởi kiện:

Thứ nhất: Hàng hóa “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại” theo Hợp đồng mua bán số 1163084 (có giấy chứng nhận xuất xứ Việt Nam CO form D số VN-VN 16/02/38303 ngày 25/11/2016 do Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M)) giao tại Việt Nam cho Công ty cổ phần T1, địa chỉ tại Thành phố Hà Nội không phải là “hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài”, vì Công ty M có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh không nằm trong khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai: Mặc dù Công ty M có địa chỉ trong khu công nghiệp nhưng không có quy định pháp luật nào quy định hàng hóa từ khu công nghiệp trong nước đưa vào thị trường trong nước là “khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật”. Do đó,

hàng hóa không phải là hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Thương mại năm 2005.

Thứ ba: Hàng hóa “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại” không thuộc trường hợp là “hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ” bởi không có văn bản nào của pháp luật quy định. Hợp đồng mua bán số 116084 là hợp đồng ký giữa ba bên và được giao hàng ấn định trong hợp đồng không phải là hợp đồng song vụ chỉ định bên giao hàng là bên thứ ba, đây là hợp đồng thương mại thông thường theo Luật Thương mại.

Thứ tư: Hàng hóa là sở hữu của Công ty M không nằm trong khu phi thuế quan, không phải là “hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước”. Do đó, hàng hóa theo Hợp đồng mua bán số 116084 không thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016 quy định về đối tượng chịu thuế; Công ty T1 cũng không thuộc đối tượng áp dụng theo khoản 1 Điều 2 của Luật Hải quan.

Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 tiếp nhận Tờ khai hải quan A12 do Công ty T1 đăng ký, thu thuế nhập khẩu, thực hiện thông quan và ban hành Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 (gọi tắt là Quyết định số 35/QĐ-HQTB) về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là không đúng vì Công ty T1 không phải nộp thuế nhập khẩu.

Ngày 11/3/2021 Công ty T1 có đơn khiếu nại (lần đầu) đối với Quyết định số 35/QĐ-HQTB. Ngày 12/4/2021 Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 có Quyết định số 64/QĐ-HQTB về việc giải quyết khiếu nại có nội dung không chấp nội dung khiếu nại.

Văn bản số 78/CV-TPMB ngày 25/5/2020 là do ông Nguyễn Văn S2 – Giám đốc ban hành, sau đó ông Đỗ Tuấn A mới tiếp nhận Công ty T1 và rà soát lại hồ sơ mới phát hiện sai nên Công ty mới tiến hành khởi kiện, xác định hàng hóa mía đường tinh luyện theo hợp đồng không phải là hàng hóa nhập khẩu mà chỉ là hàng hóa trong lãnh thổ Việt Nam (hàng hóa nội địa) nên không chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng 10%. Việc mở tờ khai do Doanh nghiệp không biết mới mở tờ khai như vậy.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Trần Văn T trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016:

Ngày 28/11/2016, Công ty T1 đăng ký tờ khai hải quan số 101150689951 loại hình nhập kinh doanh A12. Hồ sơ được ông Nguyễn Thành H, Trưởng phòng của Công ty nộp tại Chi cục Hải quan khu công nghiệp X bao gồm: Hợp đồng mua bán số 116084 ngày 16/11/2016, hóa đơn thương mại số I187/116/NFC ngày 16/11/2016, Phiếu đóng gói số theo Hợp đồng số 116084, C/o mẫu D số tham chiếu VN-VN ngày 16/02/38303 do Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thành phố H cấp ngày 25/11/2016, Văn bản số 6374/BCT-

XNK ngày 13/7/2016, Văn bản số 10660/BCT-XNK ngày 09/11/2016, Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Công ty T1 và Công ty cổ phần X1, Tờ khai hải quan 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 được xác định là Tờ khai hải quan được người khai hải quan xác định, tự kê khai, nộp thuế theo thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ.

Dựa trên Hợp đồng mua bán số 116084 ngày 16/11/2016 có nội dung thể hiện: Bên bán là Công ty G có địa chỉ tại Singapore và bên mua là Công ty T1 có địa chỉ tại Hà Nội, Việt Nam; Bên giao hàng là Công ty M có địa chỉ tại Tây Ninh, Việt Nam. Trên Tờ khai hải quan số A12 cũng thể hiện người nhập khẩu là Công ty T1, người xuất khẩu là Công ty G, địa điểm xếp hàng tại Công ty M. Thể hiện hàng hóa nhập khẩu theo Tờ khai số A12 được mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam, điều này cho thấy các nội dung trên hợp đồng và nội dung do doanh nghiệp khai báo trên tờ khai là hoàn toàn phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 35 của Thông tư 08/2015/NĐ-CP và điểm c khoản 2 Điều 86 của Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 do đó hàng hóa thuộc trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Về trình tự thủ tục hải quan hoàn toàn đúng với quy định tại Điều 86 của Thông tư 38/2015/TT-BTC, Công ty M đã có mở tờ khai xuất khẩu tại chỗ số 301086614200 ngày 25/11/2016 tương ứng điều này thể hiện tại ô số quản lý nội bộ của doanh nghiệp trên Tờ khai số A12 Công ty T1 đã hiểu, cung cấp hồ sơ và thực hiện khai báo theo thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ. Công ty đã tự kê khai tờ khai hải quan nêu trên, tự nộp tiền và ngân sách nhà nước theo Giấy nộp tiền ngày 29/11/2016 (số tiền 1.190.246.400 đồng).

Ngày 25/5/2020, Công ty T1 có Văn bản số 78/CV- TPMB xác nhận Tờ khai số A12 thực hiện theo thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ. Do đó, Công ty T1 mở tờ khai theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và đã được Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 tiếp nhận và thông quan là đúng quy định theo điểm c khoản 1 Điều 35 của Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

Từ những căn cứ nêu trên, xác định Công ty T1 đã đăng ký Tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ số A12 phù hợp theo quy định pháp luật, Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực nội dung đã khai và các chứng cứ đã nộp, xuất trình với cơ quan hải quan. Tờ khai nhập khẩu đã thông quan, không thuộc các trường hợp hủy tờ khai theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11, Điều 11 của Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ T2.

- Đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Công ty T1 đã tự kê khai, nộp thuế theo thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với Tờ khai hải quan số A12 theo thủ tục nhập khẩu tại chỗ là không đúng với quy

định của pháp luật, do hàng hóa “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại” theo Hợp đồng mua bán số 1163084 không đáp ứng điều kiện nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt là 5%, đối chiếu các quy định của pháp luật mặt hàng đường trắng tinh luyện có mã HS 17019911 phải chịu thuế suất ưu đãi là 40%. Chi cục Hải quan đã làm việc với Công ty T1 yêu cầu nộp thuế theo thuế suất ưu đãi nhưng Công ty không thực hiện nên Chi cục Hải quan ban hành Quyết định số 35/QĐ- HQTB về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đối với Công ty, cụ thể số tiền thuế ấn định là 5.457.715.200 đồng, trừ số tiền thuế đã nộp 1.190.246.400 đồng, số tiền chênh lệch còn phải nộp 4.267.468.800 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Tờ khai vẫn giữ nguyên, hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo khoản 3 Điều 2 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nên không xử lý hoàn thuế.

Do đó, Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T và Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1, giữ nguyên Quyết định số 35/QĐ- HQTB; Tờ khai hải quan số A12 và không hoàn trả lại tiền thuế đã nộp theo tờ khai này. Vẫn giữ nguyên quan điểm theo Văn bản số 863/HQTB-TH ngày 21/3/2022 và 1439/HQTB-TH ngày 27/4/2022.

Công ty T1 và Công ty M không có Công ty nào là doanh nghiệp chế xuất, và cũng không nằm trong khu vực hải quan riêng. Mặc khác, trên cơ sở hợp đồng mua bán cũng thể hiện việc thanh toán tiền cũng qua tài khoản ngân hàng tại Singapore. Tờ khai hải quan được phát sinh trên cơ sở Hợp đồng mua bán số 116084 ngày 16/11/2016. Công ty M cũng đã có tờ khai hải xuất khẩu theo quy định.

Đối với Quyết định số 64/QĐ-HQTB ngày 12/4/2021, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 về việc giải quyết khiếu nại đã được ban hành đúng thời hạn, thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/ST-HC ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1 đối với Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T, về việc hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và yêu cầu Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp T2 làm thủ tục hủy tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016, hoàn trả lại số thuế Công ty đã nộp cho Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 theo Tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 theo quy định về pháp luật hải quan và luật thuế, số tiền cụ thể 1.190.246.400 đồng.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 102/2023/HC-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án với lý do: Cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cổ phần hoá từ Công ty T1 trực thuộc Công ty T3 chuyển đổi thành Công ty cổ phần T1, để xem trách nhiệm đối với số tiền thuế chênh lệch còn phải nộp bổ sung theo Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2023/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1 đối với Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T, về việc:

- Hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ- HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Yêu cầu Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp T làm thủ tục hủy Tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016, hoàn trả lại số thuế Công ty đã nộp cho Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 theo Tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 theo quy định về pháp luật hải quan và luật thuế, số tiền cụ thể 1.190.246.400 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/7/2023 người khởi kiện Công ty cổ phần T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện Công ty cổ phần T1 (có ông Đỗ Tuấn A là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện (có ông Trần Văn T - Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày, xin Hội đồng xét xử xem xét về số tiền chậm nộp vì hàng hóa đã mua bán xong từ năm 2016, thời điểm đó cơ quan hải quan đã tiếp nhận hồ sơ kê khai nhưng không phát hiện sai sót, nên công ty đã bán hàng hóa theo giá thị trường và thuế đã nộp. Mặt khác, ngày 10/11/2022 Chi cục hải quan khu công nghiệp X có thông báo số 3259/TB-HQTB về tiền chậm nộp còn thiếu (lần 1) của doanh nghiệp với số 2.761.057.358 đồng theo Quyết định số 35/QĐ- HQTB ngày 25/02/2021. Tuy nhiên, việc chậm nộp này không phải

do lỗi của doanh nghiệp vì tại thời điểm năm 2016 doanh nghiệp đã kê khai hải quan theo tờ khai hải quan được Chi cục hải quan Khu công nghiệp T2 hướng dẫn và tiếp nhận. Do đó, việc cơ quan thuế xác định doanh nghiệp chậm nộp tiền thuế tính là khiến doanh nghiệp lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền chậm nộp này, và nếu yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, thì xem xét Nghị định 126/2020/NĐ-CP trong trường hợp doanh nghiệp không có khả năng nộp tiền chậm nộp.

Người bị kiện trình bày: Chi cục hải quan khu công nghiệp T chia sẻ khó khăn doanh nghiệp, nếu công chức hải quan làm sai thì X sẽ xử lý theo Luật Cán bộ công chức, còn đối với tiền chậm nộp thuế này thì Chi cục hải quan giải quyết theo quy định pháp luật, số tiền chậm nộp tính từ ngày mở tờ khai hải quan. Người bị kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Công ty cổ phần T1 khởi kiện quyết định ấn định thuế của Chi cục hải quan khu công nghiệp X, vì cho rằng hoạt động mua bán giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp nước ngoài không thuộc trường hợp phải nộp thuế. Theo tài liệu hồ sơ thể hiện hàng hóa mua bán giữa người khởi kiện với doanh nghiệp nước ngoài, là hàng hóa nhập khẩu tại chỗ nên phải chịu thuế theo quy định pháp luật. Do công ty không nộp thuế nên Chi cục hải quan ban hành quyết định ấn định thuế là phù hợp, có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1 là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Sau khi bản án sơ thẩm lần 1 bị hủy, thì Tòa án cũng đã thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến doanh nghiệp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện đề nghị xem xét số tiền chậm nộp nhưng không có yêu cầu ở Tòa án cấp sơ thẩm, nên không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/11/2016 Công ty T1 đăng ký tờ khai hải quan số 101150689951 loại hình nhập kinh doanh A12. Hồ sơ của Công ty nộp tại Chi cục Hải quan khu công nghiệp X bao gồm: Hợp đồng mua bán số 116084 ngày 16/11/2016, hóa đơn thương mại số I187/116/NFC ngày 16/11/2016, Phiếu đóng gói số theo Hợp đồng số 116084, C/o mẫu D số tham chiếu VN-VN ngày 16/02/38303 do Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thành phố H cấp ngày 25/11/2016, Văn bản số 6374/BCT-XNK ngày 13/7/2016, Văn bản số

10660/BCT-XNK ngày 09/11/2016, Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Công ty T1 và Công ty cổ phần X1, Tờ khai hải quan 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 được xác định là Tờ khai hải quan được người khai hải quan xác định, tự kê khai, nộp thuế theo thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ.

Chi cục hải quan khu công nghiệp T cho rằng Công ty T1 đã tự kê khai, nộp thuế theo thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với Tờ khai hải quan số A12 theo thủ tục nhập khẩu tại chỗ là không đúng với quy định của pháp luật, do hàng hóa “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại” theo Hợp đồng mua bán số 1163084 không đáp ứng điều kiện nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt là 5%, đối chiếu các quy định của pháp luật mặt hàng đường trắng tinh luyện có mã HS 17019911 phải chịu thuế suất ưu đãi là 40%. Do đó, Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 ban hành Quyết định số 35/QĐ-HQTB về việc ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đối với Công ty, cụ thể số tiền thuế ấn định là 5.457.715.200 đồng, trừ số tiền thuế đã nộp 1.190.246.400 đồng, số tiền chênh lệch còn phải nộp 4.267.468.800 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, Công ty cổ phần T1 khởi kiện yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Yêu cầu Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp T làm thủ tục hủy tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 (gọi tắt là: Tờ khai hải quan A12), hoàn trả lại số thuế Công ty đã nộp cho Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 theo Tờ khai hải quan nêu trên theo quy định về pháp luật hải quan và luật thuế, số tiền cụ thể 1.190.246.400 đồng.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

[2.1] Hợp đồng mua bán số 116084 ngày 16/11/2016 giữa bên bán là Công ty G có địa chỉ tại Singapore; Bên mua là Công ty cổ phần T1 có địa chỉ tại Hà Nội, Việt Nam và bên giao hàng là Công ty cổ phần M có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hàng hóa theo hợp đồng là “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại”, với số lượng 800 tấn. Thỏa thuận việc thanh toán theo tài khoản thụ hưởng của người bán là Công ty G tại Singapore.

[2.2] Xét, theo nội dung hợp đồng nêu trên thì hàng hóa này được mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam (Công ty cổ phần T1) với tổ chức nước ngoài (Công ty G, tại S) không hiện diện tại Việt Nam; Trong hợp đồng chỉ định người giao hàng là Công ty cổ phần M, Tây Ninh. Sau khi ký hợp đồng mua bán, ngày 22/11/2016 Công ty cổ phần M đã mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) số 301086614200 Thể hiện: Người xuất khẩu là Công ty cổ phần M, Việt Nam và người nhập khẩu là Công ty G có địa chỉ tại Singapore. Ngày 28/11/2016, Công ty cổ phần T1 mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101150689951 đối với việc nhập số lượng hàng hóa này thể hiện người nhập khẩu là Công ty cổ phần

T1; Người xuất khẩu là Công ty G. Việc hàng hóa không được đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam là do trong hợp đồng chỉ định người giao hàng là Công ty cổ phần M tại Việt Nam. Do đó, Công ty cổ phần T1 cho rằng hàng hóa mua bán không được đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam, cũng không phải là hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước, nên không phải là đối tượng chịu thuế nhập khẩu theo quy định là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Tại điểm c, khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ, quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ bao gồm: “c) *Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam*”. Căn cứ vào quy định trên thì hàng hóa mà các bên mua bán là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, nên Công ty cổ phần T1 phải chịu thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu. Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số A12 là do Công ty cổ phần T1 mở và được Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 tiếp nhận đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của Công ty cổ phần T1 yêu cầu Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T làm thủ tục hủy tờ khai hải quan số A12 và hoàn trả cho Công ty số tiền thuế đã nộp 1.190.246.400 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Ngày 28/11/2016 Công ty cổ phần T1 đã tự kê khai tờ khai hải quan và nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.190.246.400 đồng theo mức thuế suất “ưu đãi đặc biệt” (5%). Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4 Nghị định 129/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính Phủ thì hàng hóa được mua bán là “Đường trắng tinh luyện của mùa vụ hiện tại” không phải là hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước, nên không được hưởng thuế suất “ưu đãi đặc biệt” 5%; Loại hàng hóa này có mã HS 17019911 phải chịu thuế suất “ưu đãi” là 40% theo quy định tại Phụ lục II Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, với số tiền thuế đúng phải nộp là 5.457.715.200 đồng. Do Công ty cổ phần T1 chỉ mới nộp 1.190.246.400 đồng, nên Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 ban hành Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với Công ty cổ phần T1, trong đó buộc Công ty cổ phần T1 phải nộp số tiền thuế sau ấn định còn lại là 4.267.468.800 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Do Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 là đúng quy định pháp luật nên Quyết định số 64/QĐ-HQTB ngày 12/4/2021 Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu công nghiệp X về việc không chấp nhận khiếu nại của Công ty cổ phần T1 là có căn cứ.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và phán quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Đối với nội dung mà người khởi kiện nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm về việc: Ngày 10/11/2022 Chi cục hải khu công nghiệp X có thông báo số 3259/TB-HQTB về tiền chậm nộp còn thiếu (lần 1) của doanh nghiệp với số 2.761.057.358 đồng theo Quyết định số 35/QĐ-HQTB ngày 25/02/2021 là gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, thì nội dung này người khởi kiện không nêu ra và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết. Do đó, trong phạm vi xét xử phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng hành vi của Chi cục hải khu công nghiệp X đã gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, thì đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I/Bác yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần T1;

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Áp dụng Luật Hải quan năm 2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T2 quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Nghị định số 122/2016/NĐ-CP và Nghị định số 129/2016/NĐ-CP cùng ngày 01/9/2016 của Chính phủ, quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016-2018; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1 đối với Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T, về việc:

- Hủy bỏ Quyết định số 35/QĐ- HQTĐ ngày 25/02/2021 của Chi cục trưởng Chi cục X Khu công nghiệp T2 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Yêu cầu Chi cục Hải Quan Khu công nghiệp T làm thủ tục hủy Tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016, hoàn trả lại số thuế Công ty đã nộp cho Chi cục Hải quan Khu công nghiệp T2 theo Tờ khai hải quan số 101150689951/A12 ngày 28/11/2016 theo quy định về pháp luật hải quan và luật thuế, số tiền cụ thể 1.190.246.400 đồng.

2/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty cổ phần T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0016744 ngày 27/7/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây NinhH1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên